

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **693** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **05** tháng 02 năm 2021

V/v xử lý thuế hàng gia công đã
xuất khẩu phải tái nhập

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 2769/HQBD-TXNK ngày 06/10/2020 của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương báo cáo vướng mắc về xử lý thuế đối với sản phẩm gia công đã xuất khẩu phải tái nhập để sửa chữa, tái chế quá thời hạn tái xuất. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 6 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu được miễn thuế;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Điều 33 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập được hoàn thuế nhập xuất và không phải nộp thuế nhập khẩu.

Căn cứ Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu.

Căn cứ khoản 39 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2018 của Bộ Tài chính quy định về việc báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu.

Căn cứ các quy định nêu trên, việc xử lý thuế đối với sản phẩm gia công đã xuất khẩu nhưng phải tái nhập để sửa chữa, tái chế được thực hiện như sau:

1. Xử lý thuế tại khâu tái nhập

Khi tái nhập sản phẩm gia công để sửa chữa, tái chế, cơ quan hải quan xử lý không thu thuế nhập khẩu nếu tại thời điểm làm thủ tục tái nhập người khai hải quan nộp đủ bộ hồ sơ không thu thuế theo quy định; doanh nghiệp được hoàn lại số tiền thuế xuất khẩu đã nộp (nếu có).

Doanh nghiệp phản ánh lượng sản phẩm gia công phải tái nhập vào báo cáo quyết toán tại chỉ tiêu 26.10 (*Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ*), ghi số tờ khai tái nhập tại chỉ tiêu 26.13 (*Ghi chú*) Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp hồ sơ giấy, doanh nghiệp phản ánh

lượng sản phẩm gia công tái nhập vào báo cáo quyết toán tại cột 6 (*Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ*), ghi số tờ khai tái nhập tại cột 11 (*Ghi chú*) Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

2. Xử lý thuế tại khâu tái xuất


Sản phẩm gia công tái nhập để sửa chữa, tái chế khi tái xuất, nếu doanh nghiệp đã được hoàn thuế xuất khẩu tại khâu tái nhập thì doanh nghiệp phải nộp thuế xuất khẩu như đối với trường hợp xuất khẩu lần đầu.

Doanh nghiệp phản ánh lượng sản phẩm gia công tái xuất tại chỉ tiêu 26.11.2 (*Sản xuất sản phẩm xuất khẩu*), ghi số tờ khai tái xuất vào chỉ tiêu 26.13 (*Ghi chú*) Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trường hợp hồ sơ giấy, doanh nghiệp phản ánh lượng sản phẩm gia công tái xuất vào báo cáo quyết toán tại cột 8 (*Lượng sản phẩm xuất khẩu*), ghi số tờ khai tái xuất tại cột 11 (*Ghi chú*) Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC.


3. Xử lý thuế đối với trường hợp quá thời hạn tái nhập 275 ngày chưa tái xuất

Trường hợp quá thời hạn tái nhập 275 ngày đăng ký với cơ quan hải quan nhưng doanh nghiệp chưa tái xuất, lượng sản phẩm gia công đã tái nhập tiếp tục được theo dõi trên báo cáo quyết toán cho đến khi thực tái xuất. Việc xử lý thuế khi sản phẩm gia công được tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2 công văn này.

Trường hợp sản phẩm gia công tái nhập nhưng không tái xuất được mà chuyển tiêu thụ nội địa, người nộp thuế thực hiện khai tờ khai thay đổi mục đích sử dụng đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được sử dụng để sản xuất hàng gia công xuất khẩu nhưng chuyển tiêu thụ nội địa theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP).

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề Cục Hải quan tỉnh Bình Dương được biết. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCT Lưu Mạnh Tường (để b/c);
- Các Cục HQ tỉnh, thành phố (để th/h);
- Cục GSQL (để biết);
- Vụ Pháp chế (để biết);
- Lưu: VT, TXNK-H.Linh (3b). 

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK



Trần Bằng Toàn